TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DL** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 08-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.

2. Ông Phan Văn Phương.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Cán bộ Toà án nhân dân huyện DL.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện DL***: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện DL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLST-DS ngày 15/12/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX-DS ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện DL, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vũ Văn B; sinh năm 1957.
Địa chỉ: Số XX, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Các đồng bị đơn: Vợ chồng anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M.
Địa chỉ: Số 08 thôn 1, xã Hòa Nam, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Lưu Thị C; sinh năm 1969.
Địa chỉ: Số VV, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.
2/ Bà Lưu Thị L; sinh năm 1957.
Địa chỉ: Số BB, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Ông B, anh H, chị TH có mặt; bà L, bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bà M vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông B trình bày: Do là hàng xóm ở cạnh nhà nhau nên từ trước tháng 8/2021, ông đã có nhiều lần cho anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M vay tiền. Mục đích là để họ mua đất, phát triển kinh tế gia đình. Đến ngày 06/8/2021, ông tiếp tục cho anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M vay số tiền 500.000.000đ, đồng thời cộng dồn 200.000.000đ mà anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M đã vay từ trước tháng 8/2021 thành số tiền nợ chung là 700.000.000đ. Lúc này ông B có tự tay ghi giấy vay tiền, anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M ký xác nhận nợ, đồng thời thỏa thuận thời gian trả nợ vào cuối năm 2021, lãi suất là 1,65%/tháng. Đến ngày 30/12/2021, anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M không trả nợ lại tiếp tục hỏi vay thêm 2.300.000.000đ. Khi vay thì ông H là người tự tay ghi giấy vay tiền ngày 30/12/2021, các bên có thỏa thuận lãi suất 1,65%/tháng, hẹn đến tháng 6/2022 sẽ trả. Đến ngày 28/10/2022, anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M, tiếp tục vay số tiền 1.500.000.000đ. Khi vay ông B có tự tay ghi giấy vay tiền ngày 28/10/2022. Theo nội dung giấy vay tiền này thì số tiền cho vay là 2.500.000.000đ, tuy nhiên ông B chỉ thực tế giao cho anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M số tiền 1.500.000.000đ vì có nói miệng với nhau, anh H, chị TH và bà M sẽ thế chấp cho ông B mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất 158, 159 bản đồ 06 xã Hòa Nam. Tuy nhiên anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M không giao giấy chứng nhận QSDĐ thửa như thỏa thuận nên ông B chỉ giao 1.500.000.000đ. Ông B xác định ngày 28/10/2022, chỉ cho anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M vay số tiền 1.500.000.000đ chứ không phải 2.500.000.000đ như giấy vay tiền ghi ngày 28/10/2022.

Như vậy tổng cộng số tiền mà anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M đã vay là 4.500.000.000đ. Trong các giấy vay tiền và đơn khởi kiện có ghi người cho vay là ông B và vợ là Lưu Thị L (vợ lớn), bà Lưu Thị C (vợ bé). Mục đích ghi tên hai bà vợ vào là để nếu ông B có gặp sự cố gì thì các bà vợ của ông sẽ tiếp tục có quyền đi đòi nợ, thực chất số tiền 4.500.000.000đ này là của riêng ông. Trong tháng 5/2022 để đảm bảo cho việc thanh toán thì ông H có giao cho ông B giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ số DG 162019 thửa đất số 148; bản đồ số 20 tại thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, còn diện tích đất này thì vợ chồng ông H bà bà TH vẫn đang quản lý. Sau khi vay tiền thì anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M đã trả tiền lãi cho từ khi vay đến tháng 10/2022 theo mức tiền lãi 1,65%/tháng như thỏa thuận.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M trả cho ông số tiền nợ gốc 4.500.000.000đ và tiền lãi theo mức 1,65%/tháng thời gian tính lãi từ 01/11/2022 đến 20/12/2022 là 50 ngày thành

tiền là 118.800.000đ. Tổng gốc và lãi yêu cầu anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M trả là 4.618.800.000đ (bốn tỷ sáu trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng). Khi anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M trả tiền đủ thì ông B đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận QSDĐ số DG 162019 thửa đất số 148; bản đồ số 20 tại thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa cho vợ chồng anh H chị TH.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy vay tiền ngày 06/8/2021; giấy vay tiền ngày 30/12/2021; giấy vay tiền ngày 28/10/2022; Giấy giao sổ đỏ ngày 23/5/2022. Ngoài ra nguyên đơn không giao nộp bổ sung tài liệu gì, không đề nghị Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ gì khác.

Đồng bị đơn anh H trình bày: Ngày 06/8/2021, có vay của ông B 700.000.000đ. Khi vay có làm giấy vay tiền ông H có ký tên xác nhận và có nhờ chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M ký xác nhận nợ, đồng thời thỏa thuận thời gian trả nợ vào cuối năm 2021, lãi suất là 1,65%/tháng. Đến ngày 30/12/2021, có hỏi vay thêm số tiền 2.300.000.000đ. Khi vay thì ông H là người tự tay ghi giấy vay tiền ngày 30/12/2021, các bên có thỏa thuận lãi suất 1,65%/tháng, hẹn đến tháng 6/2022 sẽ trả. Đến ngày 28/10/2022, vay số tiền 2.500.000.000đ. Tuy nhiên ông B chỉ thực tế cho vay số tiền 1.500.000.000đ. Như vậy tổng cộng số tiền sau 03 lần vay là 4.500.000.000đ. Anh H thừa nhận chữ ký ghi tên Trần Phi H trong các giấy vay là của anh. Phần chữ ký ghi tên của chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M cùng ký tên xác nhận vay tiền của ông B thì tôi không xác định được. Tuy nhiên bản chất sự việc thì anh là người trực tiếp sử dụng số tiền này để làm ăn kinh doanh, vì vậy, nay anh H đồng ý tự một mình sẽ có trách nhiệm trả hết số tiền nợ gốc 4,5 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh như yêu cầu của ông B.

Toàn bộ số tiền 4,5 tỷ đồng này chúng tôi đã hoàn thành việc trả lãi đến tháng 11/2022, theo mức lãi thỏa thuận 1,65%/tháng. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xin được trả lãi chậm vào tháng 4/2023 và trả hết gốc vào tháng 10/2023. Khi vay tiền ông B có giữ của vợ chồng anh H 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số thửa 148 bản đồ số 20 thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa để làm tin. Khi nào trả hết nợ thì ông B phải trả lại cho vợ chồng, hiện nay anh không đòi lại. Tài liệu chứng cứ thì tôi không có gì để nộp cho tòa án.

Đồng bị đơn chị TH trình bày: Chị là vợ của anh H, còn bà M là mẹ đẻ của chị. Việc vay mượn tiền như lời trình bày của ông H là đúng. Chị thừa nhận chữ ký ghi tên Phạm Thị Thanh TH trong các giấy vay là của mình, đồng thời khi ký các giấy vay tiền mà ông B đã cung cấp cho tòa thì có anh H, còn chữ ký của bà M thì chị không xác định được. Lý do anh H là người trực tiếp sử dụng số tiền vay mà chị phải ký tên xác nhận vào các giấy vay tiền vì ông B yêu cầu như thế thì mới đồng ý cho vay. Đúng là sau khi vay tiền thì anh H là người trực tiếp sử

dụng số tiền này để làm ăn kinh doanh. Nay chị TH đồng ý cùng với anh H sẽ có trách nhiệm trả hết số tiền nợ gốc 4,5 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh như yêu cầu của ông B. Tài liệu chứng cứ thì tôi không có gì để nộp cho tòa án.

Bà M đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên bà không đến Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày và Tòa án không ghi được lời khai của bà M. Ngày 27/3/2023, bà M có làm đơn yêu cầu photo tài liệu nộp cho Tòa án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:

Các đồng bị đơn đều vắng mặt cả hai lần Tòa án tiến hành hòa giải. Do các đồng bị đơn không đến tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã tiến hành buổi tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông B yêu anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc 4.500.000.000đ. Do các bên đã trả lãi đến ngày xét xử nên ông không yêu cầu tính tiền lãi nữa.

Anh H trình bày: Do anh là người nhận tiền và trực tiếp sử dụng số tiền vay nên nay đồng ý một mình anh trả hết số tiền vay 4.500.000.000đ cho ông B. Bà M có ký tên trong giấy vay tiền cũng chỉ đảm bảo về mặt tinh thần, làm tin để ông B cho vay mà thôi. Khi nào vợ chồng trả hết tiền cho ông B thì sẽ yêu cầu ông B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 162019 thửa đất số 148; bản đồ số 20 tại thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

Chị TH trình bày: Hai vợ chồng chị đồng ý cùng có trách nhiệm trả tiền cho ông B. Bà M không trực tiếp sử dụng số tiền vay, hơn nữa bà M đã già yếu nên vợ chồng sẽ có trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến bà M. Khi nào vợ chồng trả hết tiền cho ông B thì sẽ yêu cầu ông B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 162019 thửa đất số 148; bản đồ số 20 tại thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm xử lý:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện DL có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng bà M đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, biết được nội dung ông B đang khởi kiện, tuy nhiên vẫn không đến làm việc. Bà C và bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp : Xét nội dung và hình thức của các giấy vay tiền ghi ngày 06/8/2021; giấy vay tiền ngày 30/12/2021 ; giấy vay tiền ngày 28/10/2022 ; giấy giao sổ đỏ ngày 23/5/2022 thì thấy rằng các bên tham gia ký kết hợp đồng vay tiền trên tinh thần tự nguyện, tự do thỏa thuận. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Anh H chị TH đều thừa nhận có tham gia ký kết, tự tay ký tên xác nhận vào các giấy vay tiền, bà M có biết nội dung ông B khởi kiện nhưng không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 92, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 463 và 466 của bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định, các hợp đồng vay tiền ghi ngày 06/8/2021 ; giấy vay tiền ngày 30/12/2021 ; giấy vay tiền ngày 28/10/2022 giữa ông B và vợ chồng anh H chị TH, bà M là có thật và có hiệu lực từ ngày giao kết là đúng quy định. Thời hạn trả nợ vay theo hợp đồng tính đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận. Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền đều thể hiện người vay tiền là vợ chồng anh H chị TH và bà M. Do đó cần buộc vợ chồng anh H chị TH, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Văn B số tiền nợ gốc 4.500.000.000đ là đúng quy định.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi. Tại phiên tòa ông B không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét yêu cầu của anh H do hoàn cảnh kính tế khó khăn, xin được hết gốc vào tháng 10/2023. Tại phiên tòa ông B không chấp nhận đề nghị này. Thấy rằng, mọi công dân đều bình đẳng và phải tuân theo pháp luật, bên cạnh đó trong quá trình thi hành án, các đương sự có thể tự thỏa thuận về việc thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của anh H.

[6] Các giấy tờ ghi nợ đều thể hiện bên vay tiền là vợ chồng anh H, chị TH và bà M. Hội đồng xét xử buộc vợ chồng anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh

TH và bà Ngô Thị M có trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông B là đúng quy định.

[7] Trong quá trình giải quyết, bà Lưu Thị L và bà Lưu Thị C có văn bản trình bày. Số tiền cho vay là tiền riêng của ông B. Đây là việc làm ăn riêng của ông B, khi cho vay ông B tự ý ghi tên bà L và Bà C vào các giấy tờ cho vay với tư cách là người cho vay. Do ông B lo sợ nếu ông có vấn đề gì thì không có người tiếp tục đòi nợ, chứ hai bà không biết nội dung gì. Xét lời trình bày của bà L và bà C phù hợp với lời trình bày của ông B tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định, số tiền đã cho vay và người cho vay là ông B là phù hợp với diễn biến thực tế của việc vay mượn. Hội đồng xét xử buộc các đồng bị đơn trả tiền cho ông B là đúng với bản chất sự việc.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban tTH vụ Quốc hội. Vợ chồng anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho ông Vũ Văn B là đúng quy định.

[9] Các vấn đề khác:

[9.1] Khi vay tiền, vợ chồng anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH có giao cho ông B 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số thửa 148 bản đồ số 20 thôn Suối Cá, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo việc thanh toán. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh H, chị TH không yêu cầu trả lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết việc giao trả đối với giấy chứng nhận QSDĐ này là phù hợp.

[9.2] Xét giấy vay tiền ghi ngày 28/10/2022 thấy rằng. Theo nội dung giấy vay tiền này thì số tiền các bên ghi nhận trong giấy vay là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), tuy nhiên ông B chỉ thực tế giao cho anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng). Ông B thừa nhận ngày 28/10/2022, chỉ cho anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M vay số tiền 1.500.000.000đ chứ không phải 2.500.000.000đ như giấy vay tiền ghi ngày 28/10/2022. Anh H, chị TH cũng đã xác nhận nội dung như ông B trình bày là đúng. Hội đồng xét xử cần ghi nhận, trong ngày 28/10/2022, anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M chỉ vay của ông B số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) là phù hợp với diễn biến thực tế.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi, ngoài ra còn đề nghị về phần án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 288 ; 357, 463, 466, 468 và 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tTH vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B.

Vợ chồng anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Văn B 4.500.000.000đ (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Vợ chồng anh Trần Phi H, chị Phạm Thị Thanh TH và bà Ngô Thị M phải chịu 112.500.000đ (một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Văn B số tiền 56.308.515đ (năm mươi sáu triệu ba trăm lẽ tám nghìn năm trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007005 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Vũ Văn B, anh Trần Phi H và chị Phạm Thị Thanh TH có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị M, bà Lưu Thị L và Lưu Thị C vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Cường Huy